

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: 10.1.1987
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Nguyễn ngọc Tâm Sex: Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : no
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 06.02.1952, Đại hạo, Triều phong, Quảng Trị
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Khóm 2 Cờ gạo Vĩnh an - Đồng nai
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-từ : 73 Lý Tự Trọng Tp Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Farmer

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thư (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Mãng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Nguyễn ngọc Phúc (Living)
2. Mother
Mẹ : Trương Thị Châu (L)
3. Spouse
Vợ/Chồng: _____
4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____
5. Children
Con cái:
 - (1) _____
 - (2) _____
 - (3) _____
 - (4) _____
 - (5) _____
 - (6) _____
 - (7) _____
 - (8) _____
 - (9) _____
6. Siblings
Anh chị em:
 - (1) Nguyễn ngọc Tân (L)
 - (2) Nguyễn ngọc Tấn (L)
 - (3) Nguyễn Thị Ngọc Thảo (L)
 - (4) Nguyễn Thị Thanh Thảo (L)
 - (5) _____
 - (6) _____
 - (7) _____
 - (8) _____
 - (9) _____

ODP 10-19
Mau D 86
~~11/1~~

A. Basic Identification

1/ Name NGUYỄN NGỌC TÂM

2/ Other name No

3/ Date, Place of birth: 06.02.1952. Can Quot

2, Binh T
Thi

4/ Residence address: Ấp 2, Phường Cây gáo, Thị xã Vĩnh An, Đồng N

5/ Mailing address: 73 LÝ THƯỜNG KIỆT City HỒ CHÍ MINH. Vietnam

6/ Current occupation: Agriculturist

B. Relatives to accompany me: No

C. Relatives outside Vn: No

D. Complete family listing

1/ Father: Nguyễn Ngọc Phúc (living)

2/ Mother Trương Thị Châu (living)

3/ Siblings:

1. Nguyễn Ngọc Tân

2. Nguyễn Ngọc Tâm

3. Nguyễn Thị Ngọc Thảo

4. Nguyễn Thị Thanh Thảo

5. Nguyễn Ngọc Thắng

6. Nguyễn Ngọc Lợi

7. Nguyễn Thị Bình

8. Nguyễn Ngọc Tuấn

E. Employment by US Government: No.

F. Service with GVN

1. Name of person serving: NGUYỄN NGỌC TÂM

2. Date: From 8/1972 To 4/1975

3. Last rank: Sub-Lieutenant Serial number: 72/146 817

4. Military Unit: The 11th Battalion Artillery / 1st Division Infantry

5. Name of Supervisor / C.O. Lieutenant-Colonel Trần Văn Hiệp

G. Training outside Vn: No

H. Reeducation of you:

1/ Name of person in re-education NGUYỄN NGỌC TÂM

2/ Time in Reeducation From 5/4/1975 To 3/1976

Signature

20.8.1986

Tâm

A. Basic Identification

- 1/ Name NGUYỄN NGOC TÂM Sex Man
2/ Other name No
3/ Date, Place of birth: 06.02.1952. Đại hạo, Triệu Hải, Bình Trị
Thiên
4/ Residence address: Ấp 2, Phường Cây gáo, thị xã Vĩnh An, Đồng Nai
5/ Mailing address: 73 LÝ TỰ TRỌNG City HỒ Chí Minh. Vietnam
6/ Current occupation: Agriculturist

B. Relatives to accompany me : No

C. Relatives outside Vn : No

D. Complete family listing

- 1/ Father: Nguyễn ngọc Phúc (living)
2/ Mother Trương thị Châu (living)
3/ Siblings:
1. Nguyễn ngọc Tân
2. Nguyễn ngọc Tâm
3. Nguyễn thị ngọc Thảo
4. Nguyễn thị Thanh Thảo
5. Nguyễn ngọc Chánh
6. Nguyễn ngọc Lợi
7. Nguyễn thị Bình
8. Nguyễn ngọc Tuấn

E. Employment by US Government : No.

F. Service with GVN

1. Name of person serving: NGUYỄN NGOC TÂM
2. Date : From 8/1972 To 4/1975
3. Last rank : Sub-Lieutenant Serial number : 72/146817
4. Military Unit : The 11th Battalion Artillery / 1st Division Infantry
5. Name of Supervisor / C.O. Lieutenant-Colonel Trần Văn Hiệp

G. Training outside Vn : No

H. Reeducation of you :

- 1/ Name of person in re-education NGUYỄN NGOC TÂM
2/ Time in Reeducation From 5/4/1975 To 3/1976

Signature

20.B.1986

Tam

Sg ngày 18.1.1987

Thưa cô,

Tôi đã nhận được 2 thư đề ngày 17 và 19/10/86
xin chào thật cảm ơn cô, và qua cô, đến quý d
quar đã có sự quan tâm.

Theo yêu cầu, kèm theo thư này, tôi xin gửi
lại bản mẫu với những chi tiết đã được điền đầy
đủ.

Riêng giấy ra trại của tôi rất tiếc là đã bị
mất nên không thể gửi được. Trong thời gian vào
qua mặc dù hết sức cố gắng tôi cũng không
thể xin lại được. Vì vậy ở đây tôi chỉ xin
ghi lại vài chi tiết căn cước của giấy phóng thích
(tên gọi giấy ra trại của tôi):

Nơi cấp: Phòng chính trị Liên khu V.

Địa điểm cải tạo: Trại 2, Tổng trại I

Thời gian cải tạo: 5.4.1975 — 27.3.1976

Sự việc với đã khi khá phức tạp, do việc thiếu
giấy tờ căn cước, càng trở nên phức tạp hơn.
Tôi chỉ còn hết mong cô liên tâm giúp
đỡ mở thông. Xin chào thật cảm ơn cô luôn.

Kính thư - Ngõ ngoi Tâm.

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

VĂN BẰNG

CĂN BẢN SĨ QUAN PHÁO BÌNH

Chứng nhận Quan-ly Nguyễn ngọc Lâm Số: 72/146.217

đã theo học có kết quả KHÓA CĂN BẢN SĨ QUAN PHÁO BÌNH 5+ 5/12

từ ngày 30 tháng 07 năm 1973 đến ngày 22 tháng 12 năm 1973

với điểm trung-bình 13,50 / 20 Chức hạng 09 / 113

THỊ-NHẬN SỐ



(Cham-chiêu _____)

Kho. 4885, ngày 22 tháng 12 năm 1973

T/L ĐS-TN TQ-SI-NHAT

Chỉ-huy-Trưởng Trường Pháo-Bình

FR: SONG DOAN THANH.

Wichita, KS.

USA.



HELP GOODWILL
HELP
THE HANDICAPPED

MT. KAIMC - MINH - THO -
PO = P.O Box 5435 ARLINGTON VA 22205-0635
USA

OCT 08 1986

28-11-01

last year's
7 Nov 01

29

...

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

VĂN BẰNG

CĂN BẢN SĨ QUAN PHÁO BINH

Chứng nhận Đang Nguyễn Ngọc Cẩm SQ: 72/146217

đã theo học có kết quả KHOA CĂN BẢN SĨ QUAN PHÁO BINH 5 + 6/12

từ ngày 30 tháng 07 năm 1973 đến ngày 22 tháng 12 năm 1973

với điểm trung bình 13,8% / 20 Chức hạng 09 / 119

THỊ-NHẬN SỐ

(Cham-chieu)

Kho. 4885, ngày 22 tháng 12 năm 1973

T.Đ.Đ. VO-SI-KUAI

Q.1-cuy-Trung Truong Phao Binh QUANG

[Signature]

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-đo của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Ngọc Tâm

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 5. VII. 1972 Đến 29. III. 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Sub-Lieutenant Serial Number: 72/146817
thể nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung : The 11th Artillery Battalion.

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Lieutenant Colonel Trần Văn Hiệp
(Battalion Commander)

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vân Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ tại Viet-Nam : The Infantry officer school (Thủ Đức)
The Basic artillery officer Duc Mỹ
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-chưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đứng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN NGỌC TÂM
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 5.IV.1975 Đến: 27.III.1976
3. Still in Reeducation?* Yes ☐ No ☐
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có ☐ Không ☒ NO

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cứcc chú phụ-thuộc

My release certificate was lost.

Signature
Ký tên :

TAM

Date
Ngày:

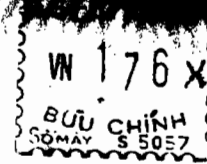
10.1.1987

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- a copy of diploma of the Basic Artillery Officer

Kinh gởi?

KHÚC MINH



MÂY BAY
PAR AVION



P.O.

Art

8/15/80
more of my
roy m!

0635

..A

FEB 0 6 1987

PAR AVION VIA AIR MAIL

1/8/15

C O N T R O L

- ☒ Card
- ☐ Doc. Request; Form
- ☐ Release Order
- ☐ Computer
- ☒ Form "D"
- ☒ ODP/Date 3/87
- ☐ Membership; Letter